

Số: 1025/TB-HV

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2015

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2016

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2016. Cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO:

1. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 1,5 đến 2,0 năm

2. Địa điểm đào tạo:

Tại Phía Bắc: Cơ sở đào tạo phía Bắc của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.33512254; Fax: 04.33829236

Tại Phía Nam: Cơ sở Học viện tại TP. Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38297220; Fax: 08.38295092

III. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN THI TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO:

Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Môn thi tuyển			Chỉ tiêu (Dự kiến)
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
Kỹ thuật viễn thông	60520208	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh	280
Hệ thống thông tin	60480104	Toán rời rạc	Kỹ thuật lập trình		
Khoa học máy tính	60480101				
Quản trị kinh doanh	60340102	Toán kinh tế	Kinh tế học		

Ghi chú: Tại Cơ sở Phía Nam, Học viện chỉ tổ chức tuyển sinh và đào tạo 2 chuyên ngành: Kỹ thuật viễn thông và Hệ thống thông tin.

Các trường hợp được miễn thi môn Tiếng Anh:

Thí sinh được miễn thi môn Tiếng Anh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp **đại học trở lên tại nước ngoài** mà ngôn ngữ học tập là **Tiếng Anh** không qua phiên dịch, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp **đại học chương trình tiên tiến** theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường Đại học của Việt Nam, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng (Ngôn ngữ giảng dạy của chương trình là Tiếng Anh);
- Có bằng tốt nghiệp **đại học ngành ngôn ngữ Anh** (trừ bằng tốt nghiệp Đại học theo hình thức giáo dục Từ xa)
- Có **chứng chỉ tiếng Anh** được quy định tại *Phụ lục I* trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ THI:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện về văn bằng đại học và thâm niên công tác chuyên môn:

- a) Người đã tốt nghiệp **đại học hệ chính quy** tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hoặc các Cơ sở đào tạo khác được chấp nhận tương đương với bằng đại học hệ chính quy của Học viện **đúng hoặc phù hợp** với chuyên ngành đăng ký dự thi:
 - Tốt nghiệp từ loại **Trung bình khá** trở lên được dự thi ngay;
 - Tốt nghiệp loại **Trung bình** phải có **01 năm** thâm niên công tác (thời gian thâm niên công tác được tính kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).
- b) Người đã tốt nghiệp đại học theo các hình thức hoặc loại hình đào tạo: **Vừa làm vừa học, Liên thông đúng hoặc phù hợp** với chuyên ngành đăng ký dự thi:
 - Tốt nghiệp từ loại **Khá** trở lên được dự thi ngay;
 - Tốt nghiệp loại **Trung bình khá** hoặc **Trung bình** phải có **01 năm** thâm niên công tác (thời gian thâm niên công tác được tính kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).
- c) Người đã tốt nghiệp đại học theo **hình thức giáo dục Từ xa** **đúng** với chuyên ngành đăng ký dự thi:
 - Tốt nghiệp loại **Giỏi** trở lên phải có ít nhất **01 năm** thâm niên công tác (thời gian thâm niên công tác được tính kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi);
 - Tốt nghiệp loại **Khá** trở xuống phải có ít nhất **02 năm** thâm niên công tác (thời gian thâm niên công tác được tính kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi);
- d) Người đã tốt nghiệp đại học **ngành gần** với chuyên ngành đăng ký dự thi phải học **Bổ sung kiến thức** trước khi dự thi. Điều kiện về thâm niên công tác chuyên môn thực hiện theo quy định tại mục a, b, c nêu trên.
- e) Người đã tốt nghiệp đại học các ngành công nghệ, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, kiến trúc, xây dựng, môi trường, nông – lâm nghiệp, pháp luật, chính trị, du lịch, quân sự, an ninh có **tối thiểu 02 năm** thâm niên công tác trong **lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý** tính từ ngày được **công nhận tốt nghiệp đến ngày dự thi**, sau khi học **Bổ sung kiến thức 12 môn** sẽ được phép dự thi chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ của Học viện.

*Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần; Danh mục các môn học Bổ sung kiến thức như Phụ lục II kèm theo hoặc xem tại cổng thông tin tuyển sinh của Học viện:
<http://tuyensinh.ptit.edu.vn>.*

Ghi chú:

- ✓ Người có bằng tốt nghiệp đại học theo các chương trình đào tạo liên kết của Cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài (bằng tốt nghiệp do trường nước ngoài cấp): ngoài các điều kiện nêu trên phải có giấy chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 2. **Lý lịch bản thân rõ ràng**, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương cư trú xác nhận.
- 3. Có đủ sức khỏe để học tập
- 4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Mục VI của thông báo này.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

1. Đối tượng ưu tiên:

- a. Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
- b. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.
- c. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
- d. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm V.1.a.
- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- f. Con liệt sĩ.

2. Các loại giấy tờ cần nộp để được hưởng chính sách ưu tiên:

- Đối tượng ưu tiên theo điểm (a) của mục V.1. phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (b) và (c) của mục V.1. phải có Thẻ thương binh hoặc các loại giấy tờ liên quan; Giấy chứng nhận Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (d) của mục V.1. phải có bản sao công chứng Giấy khai sinh và hộ khẩu.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (e) của mục V.1. phải có bản sao Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (f) của mục V.1. Phải có bản sao Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận là con liệt sĩ do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cấp.

3. Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm (mười điểm) cho môn Tiếng Anh (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi Tiếng Anh và cộng 01 điểm (một điểm) vào môn Cơ bản (thang điểm 10).
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

Ghi chú: Mọi trường hợp bổ sung hồ sơ đối tượng ưu tiên sau ngày thi tuyển đều không được chấp nhận.

VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Thí sinh thuộc diện để xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)
2. Căn cứ vào chỉ tiêu và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh sẽ xác định phương án điểm trúng tuyển, theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có điểm cao từ trên xuống và đảm bảo ngưỡng chất lượng.
3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:
 - a. Ưu tiên thí sinh là nữ;
 - b. Người có điểm môn Cơ sở cao hơn;
 - c. Người được miễn thi Tiếng Anh hoặc người có điểm môn Tiếng Anh cao hơn.

VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH:

1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- 1) 01 Đơn đăng ký dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ (theo mẫu)
- 2) 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương)
- 3) 01 Bản sao công chứng các loại giấy tờ sau:
 - a) Bằng và bằng điểm tốt nghiệp đại học;
 - b) Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
 - c) Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Học viện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi (nếu có);
- 4) Chứng chỉ tiếng Anh theo quy định (nếu có).
- 5) 01 Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi (không yêu cầu đối với thí sinh tự do).
- 6) Giấy xác nhận thâm niên công tác hoặc Hợp đồng lao động/ Quyết định tiếp nhận công tác (đối với thí sinh phải có điều kiện về thời gian công tác);
- 7) 04 Ảnh màu cỡ 3x4cm (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh ở mặt sau) và 02 phong bì dán tem và đề sẵn địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- 8) 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký đến ngày nộp hồ sơ;
- 9) Giấy chứng nhận của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp đại học theo chương trình liên kết của các cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài (đối với các trường hợp tốt nghiệp đại học theo các chương trình đào tạo liên kết của Cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài có bằng tốt nghiệp do trường nước ngoài cấp).

2. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ dự thi: Từ ngày 15/12/2015 đến ngày 15/03/2016

VIII. PHÍ TUYỂN SINH:

1. Tiền phát hành hồ sơ: 60.000 đồng / hồ sơ
2. Phí đăng ký dự thi: 60.000 đồng / hồ sơ
3. Phí dự thi: 360.000 đồng / thí sinh (120.000 đồng/ môn thi).
4. Kinh phí ôn thi: 600.000 đồng /môn
5. Kinh phí học bổ sung kiến thức: 600.000 đồng /môn

Lưu ý: - Phí đăng ký dự thi và phí dự thi nộp một lần khi nộp hồ sơ ĐKDT.

- Học viện không hoàn trả hồ sơ ĐKDT, lệ phí tuyển sinh khi thí sinh xin rút đơn ĐKDT

IX. THỜI GIAN TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH:

Thời gian: Dự kiến cuối tháng 03/2016 (Lịch thi cụ thể Học viện sẽ thông báo sau).

2. Ôn tập kiến thức

- Học viện tổ chức lớp Ôn tập kiến thức dự thi: **Từ tháng 01/2016 đến ngày 21/03/2016**
(*Để tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh, Học viện có tổ chức các lớp Ôn tập với thời gian trong hoặc ngoài giờ hành chính.*)

3. Học Bổ sung kiến thức:

- Học viện tổ chức lớp học BSKT cho thí sinh: **Từ tháng 01/2016 đến ngày 15/03/2016**
(*Thí sinh khi đến đăng ký học BSKT mang theo bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm để xác định số môn cần phải học BSKT.*)
- Các trường hợp đã học và được công nhận hoàn thành chương trình BSKT của Học viện trong thời gian **12 tháng** (tính từ ngày có quyết định công nhận hoàn thành chương trình đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) được miễn học các môn BSKT của ngành tương ứng.

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Tại Phía Bắc:

Văn phòng Giao dịch một cửa (Bộ phận Tuyển sinh)

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 04.33528122; Fax: 04.33829236.

Email: tuyensinh@ptit.edu.vn

Website: <http://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Tại Phía Nam:

Phòng Đào tạo và Khoa học Công nghệ - Cơ sở Học viện tại Tp.Hồ Chí Minh

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38297220; Fax: 08.39105510

Email: tuyensinh@ptithcm.edu.vn

Website: <http://ptit.edu.vn>; <http://ptithcm.edu.vn>

Mọi thông tin chi tiết và mẫu hồ sơ đăng ký dự thi, đề cương ôn tập kiến thức thí sinh có thể xem và tải về tại trang thông tin điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo địa chỉ: <http://tuyensinh.ptit.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Thông tin và truyền thông (b/c);
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Học viện;
- Các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm của Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



PHỤ LỤC I

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1025/TB-HV ngày 17/12/2015 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TIẾNG ANH

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	CAMBRIDGE EXAM	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4,5	450 ITP 133 CBT 45 IBT	450	PET	Preliminary	40	B1
Tổ chức cấp chứng chỉ	- British Council (BC); - International Development Program (IDP)	- Educational Testing Service (ETS), hoặc trung tâm IIG, IIE được ETS ủy quyền					- Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận

(Ghi chú: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.
Trong trường hợp Học viện không xác định được rõ Tổ chức cấp chứng chỉ Quốc tế, thì Học viện yêu cầu thí sinh tham gia thi)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 425/TB-HV ngày 17/12/2016 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học bổ sung kiến thức		Số tiết	Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức		
1	Kỹ thuật viễn thông Mã chuyên ngành: 60520208	Kỹ thuật điện tử, truyền thông (Kỹ thuật điện tử viễn thông trước đây)	<ul style="list-style-type: none"> - Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông); - Điện tử thông tin; - Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	Nhóm 1: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật điều kiện và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Điện tử tin học; - Vật lý vô tuyến. 	Nhóm 1: <ul style="list-style-type: none"> 1. Truyền dẫn số 2. Cơ sở kỹ thuật thông tin quang 3. Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến 4. Cơ sở kỹ thuật mạng truyền thông 	30 30 30 30	
				Nhóm 2: <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Khoa học máy tính; - Truyền thông và mạng máy tính; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Tin học; - Tin học ứng dụng. - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành 	Nhóm 2: <ul style="list-style-type: none"> 1. Tín hiệu và hệ thống 2. Lý thuyết thông tin 	30 30	Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đứng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Ghi chú		
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức			
				Nhóm 1: - Toán ứng dụng; - Su phạm tin học; - Tin học quản lý; - Cơ tin; - Toán - Thống kê - Tin học; - Toán tin. - Hệ thống thông tin kinh tế	Nhóm 1: 1. Cơ sở dữ liệu 2. Hệ điều hành 3. Mạng máy tính 4. Công nghệ phần mềm	Số tiết 30 30 30 30		
	Hệ thống thông tin Mã chuyên ngành: 60480104; Khoa học máy tính Mã ngành: 60480101;	- Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Truyền thông và mạng máy tính; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 2: - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Điện tử tin học; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử.	Nhóm 2: Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau: 1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 2. Kiến trúc máy tính	40 30			

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đứng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	
3	Quản trị kinh doanh Mã số: 60340102	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1 (Ngành gần):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Marketing căn bản; 2. Quản trị học; 3. Quản trị chiến lược; 4. Quản trị sản xuất; 5. Quản trị tài chính; 6. Quản trị nhân lực. 	<p>30</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>30</p>
			<p>Nhóm 2 (Ngành khác):</p> <p>Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Nông - lâm nghiệp, Pháp luật, Chính trị, Du lịch, Quản sự, An ninh.</p>	<p>Nhóm 2:</p> <p><i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô I; 2. Kinh tế vĩ mô I; 3. Tài chính tiền tệ; 4. Kinh tế lượng; 5. Luật kinh tế; 6. Nguyên lý kế toán. 	<p>40</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>40</p>	